

SỐ 21

## PHẬT NÓI KINH PHẠM VĨNG SÁU MƯỜI HAI KIẾN

*Hán dịch: Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt Chi, đời Ngô.*

Nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Câu-lưu, cùng đông đủ chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ có vị ngoại đạo tên Tu-tì và đệ tử là Ma-nạp-phạm-đạt, đi theo sau Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng. Ngoại đạo Tu-tì dùng vô số lời lẽ hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng; còn vị đệ tử Ma-nạp-phạm-đạt lại tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng hết lời. Hai thầy trò mãi tranh luận với nhau, mỗi người đều cho rằng lời của người kia nói là sai lầm trong suốt thời gian đi theo sau Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng trên đường các Ngài đến chỗ thọ thỉnh.

Lúc ấy, Đức Phật từ nước Câu-lưu đến nước Xá-vệ, dừng chân nghỉ tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Khi đó các Tỳ-kheo hội họp tại giảng đường Ca-lê-la, cùng nhau ngồi bàn luận:

–Việc này như thế nào? Ngoại đạo Tu-tì và đệ tử Ma-nạp-phạm-đạt luôn đi theo sau Thế Tôn và chúng ta, trong khi chúng ta đến chỗ thọ thỉnh. Ngoại đạo Tu-tì thì dùng vô số lời lẽ để hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng; còn vị đệ tử Ma-nạp-phạm-đạt thì lại tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng hết lời.

Đức Phật từ xa nghe rõ các Tỳ-kheo đang luận bàn về việc này, liền đứng dậy đi đến giảng đường, ngồi xuống và hỏi các Tỳ-kheo:

–Các ông đang nhóm họp tại giảng đường Ca-lê-la để bàn luận

[www.daitangkinh.org](http://www.daitangkinh.org)

những việc gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Vừa rồi chúng con cùng nhau nhóm họp để bàn luận về việc ngoại đạo Tu-tì và đệ tử là Ma-nạp-phạm-đạt đi theo sau Phật và chúng con trên đường đi đến chỗ thọ thỉnh. Ngoại đạo Tu-tì thì dùng vô số lời lẽ để hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng; còn vị đệ tử là Ma-nạp-phạm-đạt thì lại tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng hết lời.

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Nay các Tỳ-kheo, khi hội họp thường phải làm hai việc. Những gì là hai? Một là thuyết pháp, hai là tư duy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có người hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông chớ có sân hận, sanh tâm ý ác, buồn rầu thì mới tốt. Nếu có người hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông sanh lòng sân hận, sầu muộn thì các ông sẽ bị suy thoái. Nay các Tỳ-kheo, nếu có người tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông chẳng nên vui mừng, cũng không buồn lo, cũng chẳng có ý hân hoan; nếu chẳng như vậy, các ông sẽ bị suy thoái.

Nếu có người hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông nên nghĩ: “Điều người kia nói không phải là lời nói thành thật. Đức Phật không có những việc như vậy”. Nay các Tỳ-kheo, nếu có người tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông nên suy nghĩ: “Thật có việc này”. Vì sao như vậy? Vì kẻ biết ít chỉ biết theo lời răn dạy không thể nghe nhiều, nên mới chê trách Phật.

Các Tỳ-kheo hỏi Phật:

–Sao gọi là kẻ biết ít, chỉ biết theo lời răn dạy, không đa văn nên mới chê trách Đức Phật?

Đức Phật dạy:

–Người đó nói rằng Đức Phật không sát sanh, không kết oán, không cầm dao gậy, dạy người làm thiện, thương yêu tất cả mọi người cho đến loài côn trùng nhỏ bé; cũng không lấy tài vật của kẻ khác, chỉ muốn bố thí, tâm niệm bố thí, thấy người bị kẻ khác cướp đoạt thì thương xót; thân tự làm thanh tịnh, không kết tội kẻ khác, tu phạm hạnh thanh tịnh, thích hạnh thanh tịnh, không thích pháp ái dục xấu ác; cũng không nói dối, lời nói chí thành, thích sự thành thật không hư dối. Người thế gian đều tin lời nói của vị ấy, không có ý khác, cũng không vọng niệm, không nói hai

lưỡi, rao truyền để hai bên đánh nhau, nếu có tranh tụng thì hòa giải, khiến hai bên được an ổn, không chửi mắng, cũng không nói lời ác, nói ra điều gì cũng khiến cho mọi người hoan hỷ, chỉ nói điều thiện, không nói lời lừa dối, nói lời rất thành thật đúng lúc, nói lời dịu dàng theo chánh pháp, có nghĩa lý; không ngồi giường cao chạm trở đẹp đẽ, cũng không trang sức hương hoa, không nghe ca hát múa xướng, không uống rượu; cũng không đeo vàng bạc châu báu, luôn khát thực đúng pháp, không ăn sai giờ, không nhận nô tỳ trai gái, không hủy diệt mầm lúa, cũng không nuôi gà, dê, heo, không có nhà cửa; cũng không mua bán ở chợ búa, không dùng cân, đấu thước, tác để lừa đảo, xâm đoạt của người; đối với việc dùng dao gậy, đánh đập khủng bố người đều xa lìa.

Thí như ngoại đạo tham đắm việc ăn uống, vì việc đó nên mọi việc làm đều tham đắm; họ cất chứa nhiều lúa thóc để ăn, uống rượu, nuôi súc vật, y phục, thuốc men. Sa-môn Cù-đàm đều không có những việc ấy.

Thí như ngoại đạo thọ nhận đồ ăn của tín thí vì việc ấy nên luôn làm những việc si mê, mặc sức ra vào, bài báng ganh tị, chỉ muốn thân mình được cung kính. Đức Phật thường xa lìa nghiệp si mê này.

Thí như ngoại đạo thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn ở trong làng xóm, tích chứa nhà cửa, lúa thóc, cây cối, hoa quả, vườn rau cải, tự giữ lấy để ăn dùng. Đức Phật đều xa lìa những việc ấy.

Có ngoại đạo thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn ngồi nằm giường cao rộng trải tơ, lấy vàng bạc tốt đẹp khảm lên trên, rồi lấy nệm làm bằng các loại lông voi, ngựa, súc sanh, các loài chim trải lên tòa ngồi. Đức Phật đều xa lìa các việc này.

Thí như có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn hỏi nhau: “Vua là thế nào? Giặc là thế nào? Binh đội là thế nào? Đánh nhau là thế nào? Đại thần là thế nào? Quận, nước, huyện, ấp là thế nào? Nữ nhân là thế nào? Dâm dật là thế nào?” Nói toàn chuyện thế gian, nói cả về việc biến khởi... Còn Đức Phật đều xa lìa các việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn hành động hư dối, giả làm như thật, ứng hiện trong ngoài không hợp nhau, tỏ vẻ xuất sắc để cầu tài lợi, thường tham đắm chuyện ăn uống. Đức Phật đều xa lìa kiến chấp si mê.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn tranh cãi với nhau cho rằng: “Ta biết pháp luật, người chẳng biết pháp luật,

người có tà kiến làm sao có thể biết pháp được? Ta có chánh kiến còn người thì ngôn ngữ trước sau điên đảo. Ta có chánh kiến, người có tà kiến. Người bị thua, ta được thắng. Người là xấu, người có biên kiến, đến độ không chịu nghe lời nói của ta. Người cần phải học hành. Người có gì để bảo chứng không?” Đức Phật thì xa lìa quả báo của hàng súc sanh ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn thường chơi cờ xu bồ, bài bạc và nói: “Ta được ném thả vào túi, leo lên trụ, chơi cờ vua, đấu ghê, ném chén”. Đức Phật đều xa lìa các việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí, mà khi tắm rửa còn dùng tạp hương xoa vào mình, tự làm đẹp, lấy gương tự soi, cầm dù lọng cao, mang giày da, búi tóc, dùng châu ngọc. Đức Phật đều xa lìa các việc như thế.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn thường làm việc ác, lấy tay đánh chân, dùng đầu mặt xúc chạm nhau, đấu voi, ngựa, trâu, dê, đấu người nam, người nữ và trẻ em, đấu gà, heo, vịt. Đức Phật đều xa lìa những tà kiến, ác kiến ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống, biết phân biệt về dao, mâu, cung tên, phân biệt tướng nam, tướng nữ, người lớn, trẻ nhỏ, biết phân biệt tướng voi, ngựa, trâu, dê. Đức Phật đều xa lìa các việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống, làm thầy thuốc cho đàn ông, đàn bà, con nít, làm thầy thuốc cho voi, ngựa, trâu, dê. Đức Phật đều xa lìa các việc như vậy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống; làm các việc về quỷ thần, tạo ra các thứ áo quần, làm thầy thuốc chữa mắt, làm thuốc cho phụ nữ mới sanh, làm bùa chú cho người bị nhiều loạn. Khi người nữ lui tới thì cầm cây cỏ hóa thành đồ ăn ngon cho họ ăn, nói dối là đi tìm vật tốt để hóa ra y phục cho người mặc vào có thể bay được. Đức Phật đều xa lìa những việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống; cho người uống thuốc để nôn mửa. Đức Phật đều xa lìa các việc như thế.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn dùng nghiệp

súc sanh để tự mưu sống, bảo người đi tới chỗ này chỗ nọ, dùng chú thuật khiến cho gây lộn, kiện cáo, cùng đánh đập người, vật ngã xuống đất, dùng bùa chú khiến phụ nữ bị hư thai, dùng cây lau chú thuật khiến bám vào tay người. Đức Phật đều xa lìa những việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn dùng nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống, cầm củi đốt lửa, chú vào hơi độc của vỏ cây á phiện, hạt bồ đào để tạo ra khói, chú vào con chuột để cắn giết người, học chú thuật để biết người lúc nào sống lúc nào chết. Đức Phật đều xa lìa các việc như thế.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống. Một người nói: “Sẽ có mưa lớn”; một người nói: “Sẽ có mưa nhỏ”; một người nói: “Lúa thóc sẽ chín”; một người nói: “Lúa thóc sẽ không chín”; một người nói: “Lúa thóc sẽ tốt”; một người nói: “Lúa thóc sẽ không tốt”; một người nói: “Sẽ có bệnh dịch lớn”; một người nói: “Không có”; một người nói: “Sẽ có giặc đến phá hoại nước này”; một người nói: “Sẽ có chết chóc lớn”; một người nói: “Sẽ có vua băng hà”; một người nói: “Sẽ có lập vua mới”; một người nói: “Sẽ có động đất lớn”; một người nói: “Không có động đất”; một người nói: “Sẽ có nguyệt thực”; một người nói: “Không có nguyệt thực”; một người nói: “Sẽ có nhật thực”; một người nói: “Không có nhật thực”; một người nói: “Mặt trời từ phía Đông qua phía Tây”; một người nói: “Từ phía Tây qua phía Đông”; một người nói: “Mặt trăng tinh tú từ phía Đông qua phía Tây”; một người nói: “Từ phía Tây qua phía Đông, do đó mà có việc tốt xấu”; một người nói: “Do đó cho nên mặt trời, mặt trăng từ phía Đông qua phía Tây”; một người nói: “Do đó cho nên mặt trời, mặt trăng, tinh tú xuất hiện”; một người nói: “Do đó cho nên mặt trời, mặt trăng, tinh tú lặn”; một người nói: “Mây sẽ che mặt trời”; một người nói: “Mặt trời sẽ ra khỏi mây”; một người nói: “Mặt trời sẽ trong sáng, không bị mây che”. Đức Phật đều xa lìa những việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống. Một người nói: “Vua nước này sẽ qua tàn phá nước kia, vua nước kia sẽ tàn phá lại nước này”, một người nói: “Xe, ngựa, sáu thứ súc vật của nước này ít”, giải mộng cho người, dùng chú thuật khiến người không nói được, khiến cho người cấm khẩu; vì người mà viết sách nói lên giá trị của họ, vì người mà lấy áo quần để so sánh phẩm giá của họ, phân biệt màu sắc tốt xấu để đánh giá họ.

Đức Phật đều xa lìa những việc như vậy.

Đức Phật dạy:

–Sa-môn ngày ăn một bữa, chiều không ăn, ăn đúng giờ, xa lìa việc ăn phi thời, đối với y bát, thực hành hạnh biết vừa đủ, ăn uống vừa no thì thôi, có đi đâu cũng đều mang theo y bát bên mình, thí như con chim bay đi đâu cũng có hai cánh bên thân. Tỳ-kheo cũng như vậy, đối với áo quần, việc ăn uống, bình bát đều vừa đủ thì thôi, dù đi đến đâu cũng mang theo y bát bên mình; Tỳ-kheo cũng như vậy, thọ trì, phụng hành lời răn dạy của bậc Hiền giả, tự quán thân mình, không có tranh cãi, luôn suy nghĩ về đạo, làm việc hợp với sự thật, thấy sắc không khởi tưởng, cũng không xem người cùng đánh nhau, giữ sự tịch tĩnh liên tục, không có si mê loạn động; các pháp ác bất thiện, không vừa lòng, không nên để chúng làm loạn tâm mình, như giữ gìn con mắt. Đó gọi là Tỳ-kheo phụng hành giới phẩm của bậc Hiền giả.

Bậc Hiền giả như vậy, các căn tịch tĩnh, đối với bên trong không nghĩ về sự tranh giành, loạn động, ăn uống chỉ nhằm vừa đủ, không ăn nhiều cũng không ăn ít, thấy thích ứng là được, thường ăn một bữa, không thêm không bớt, nhằm nuôi mạng sống chứ không phải để cho mập béo, chỉ để cho thân được an ổn, không thọ khổ, có khí lực để tu tập hành hóa.

Các Tỳ-kheo ở tương lai nên tôn thờ và hành trì giới của bậc hiền thiện ấy. Bậc hiền thiện ấy nên ăn uống đủ no, phải suy tư về đạo, đầu đêm, cuối đêm phải hành đạo, thực hành đạo niệm vi diệu, không lay động, ban ngày hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành, không nghĩ đến pháp ác; đầu đêm hoặc đi kinh hành, hoặc ngồi; nửa đêm nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, ý tưởng nghĩ đến việc thức dậy, luôn mong thấy trời sáng; cuối đêm lại ngồi suy tư về đạo. Lúc kinh hành thì không nghĩ đến pháp ác. Nếu đi vào quận, huyện, làng ấp để khát thực, thì sáng sớm ngủ dậy, đắp y mang bát đi vào những nơi chốn ấy để khát thực, phải luôn gìn giữ các căn, thường nghĩ đến việc khát thực cho xong, dùng cơm xong, rửa tay, rửa chân, cất bát, liền vào chỗ vắng vẻ một mình, ban đêm ngồi thiền, hoặc ở bên gốc cây vắng vẻ, hoặc chỗ đất trống, hoặc giữa núi, trong hang động, hoặc trong nhà cỏ, hay bên ao đầm, ngồi ngay thẳng, không ngó bên này, không liếc bên kia, lìa bỏ sự si mê của thế gian, ý nhớ nghĩ về sự hành hóa, không có ý ác, lấy tâm từ bi thương xót tất cả mọi người kể cả các loại côn trùng nhỏ bé, ý cũng không nghĩ ác, trừ bỏ ái dục, xa lìa sự ham ngủ nghỉ, thường nghĩ

đến việc mau đạt được tâm ý hành định, mà không nghĩ đến việc ngủ nghỉ, từ bỏ các tướng còn do dự, không nói điều ác, cũng không nghĩ tướng về điều ác, giữ lòng tịch định, xa lìa sự nghi ngờ bên ngoài, xả bỏ các tướng về việc hành hay chẳng hành các pháp ác, ý cũng chẳng nhớ nghĩ về các tướng ấy, trừ bỏ năm thứ ngăn che và những ý tướng về phiền não.

Thí như có người mang tiền đi buôn, mong được như ý, khi trở về quê, lợi tức thường được dư dả, sinh sống đầy đủ, người đó tự nghĩ, trong lòng vui mừng.

Thí như có người từ lâu đã làm tội cho người ta, nay được thoát khỏi thân nô tỳ, ra vào tự tại, tự nghĩ: “Ta vốn làm nô tỳ, nay được giải thoát để làm dân”. Người đó nghĩ như thế, trong lòng vui mừng.

Thí như có người bị nhốt trong lao ngục, được ân xá mà ra khỏi ngục, người đó tự nghĩ, trong lòng vui mừng.

Thí như có người bị bệnh nặng, năm này qua năm nọ không lành, bỗng gặp được lương y chữa cho lành bệnh, có khí lực, đi đứng ra vào, ăn uống tự nhiên. Người đó suy nghĩ: “Lúc xưa bị bệnh quanh năm, nay được lành bệnh, lại có khí lực ăn uống, ra vào”, người đó tự nghĩ như thế, trong lòng vui mừng.

Thí như có người đem tài vật quý báu đi qua đường hiểm, tài vật được giữ gìn hoàn toàn an ổn, đến được con đường tốt, người đó tự nghĩ, trong lòng vui mừng.

Tỳ-kheo cũng như vậy, xa lìa năm thứ ngăn che tâm ý. Thí như người mắc nợ đã trả được nợ; người bị cầm tù nay được thả ra; người bệnh lâu ngày được lành; người làm tội nay được về làm dân, như người qua đường hiểm nay được an lành, trong lòng hoan hỷ.

Đức Phật bảo:

–Kẻ thiếu trí hoặc không đa văn mới hủy báng Phật.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta hiểu thì thâm diệu, điều mà Ta biết thì rất ráo. Vị đệ tử hiền giả nghe như vậy liền khen ngợi Đức Như Lai.

Đức Phật nói:

–Sao gọi đó là pháp thâm diệu mà Ta hiểu rõ, đệ tử hiền giả nghe pháp ấy liền tán thán Đức Như Lai?

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, đối

với vô số học thuyết, mỗi mỗi đều học hỏi các sự việc và biết các sự việc ấy, thì đều ở trong mười tám thứ kiến giải này.

Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp vị lai, thấy việc vị lai, học hỏi việc vị lai, đối với số học thuyết, mỗi mỗi rõ biết từng việc, thì đều ở trong bốn mươi bốn thứ kiến giải.

Đối với ngoại đạo ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, mỗi mỗi đều học hỏi các sự việc và biết rõ các sự việc ấy, đều ở trong mười tám thứ kiến giải thì người hành theo “Thường kiến” luôn tự cho “Thế gian là hữu thường”, ở trong bốn kiến giải.

Đức Phật dạy:

–Người ngoại đạo ấy vì sao trong bốn kiến giải đều thấy là thường, tự thuyết giảng cho người thế gian về “Hữu thường”? Nếu có ngoại đạo, đoạn trừ ái dục, hành thiền định, liền ở trong loại định tương tự như Tam-muội chánh thọ, có thể nhớ sự việc trong hai mươi kiếp ở quá khứ. Người đó nói: “Ngã và thế gian là hữu thường”. Vì sao như vậy? Ta biết lúc thành lúc hoại ở kiếp quá khứ, nhưng không biết lúc thành lúc hoại ở kiếp vị lai”. Người đó liền nghĩ: “Biết việc quá khứ, bỏ việc vị lai”. Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai, nếu có ngoại đạo, đoạn trừ ái dục, ở trong loại định tương tự như Tam-muội chánh thọ, có thể nhớ được sự việc trong bốn mươi kiếp ở vị lai. Người đó nói: “Ngã và thế giới là hữu thường. Vì sao vậy? Vì ta không biết sự việc thành, hoại ở kiếp quá khứ, chỉ biết lúc thành, hoại ở kiếp vị lai”. Người đó bèn bỏ việc quá khứ không biết đến, chỉ nghĩ đến việc vị lai. Đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba, nếu có ngoại đạo, đoạn trừ ái dục, tinh tấn hành thiền, nhờ loại định tương tự như Tam-muội chánh thọ, nhớ lại sự việc trong tám mươi kiếp ở quá khứ và vị lai. Người đó bèn nói: “Ngã và thế giới là hữu thường. Vì sao vậy? Vì ta biết lúc thành lúc hoại ở kiếp vị lai và quá khứ”. Người đó bèn nhớ nghĩ đến trí tuệ của quá khứ và vị lai. Đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư, nếu có ngoại đạo, tinh tấn tịch tĩnh, nhất tâm đoạn trừ hạnh ác, liền được loại định tương tự như Tam-muội chánh thọ, nhớ đến căn tịch tĩnh, trụ nơi niệm si. Người ấy tự cho: “Thế gian là hữu thường. Vì sao vậy? Vì ta không biết lúc thành lúc bại ở kiếp quá khứ, cũng không biết lúc thành lúc bại ở kiếp vị lai”. Đó là kiến giải thứ tư.



## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

---

Chỗ mà ngoại đạo gọi là “nói thường, thấy thường, tự mình vì người thế gian thuyết giảng hữu thường”, đều ở trong bốn kiến giải này không thể vượt lên trên. Như Lai đều biết rõ, biết một cách vi diệu vượt hơn thế nữa, cho nên Như Lai không chấp trước, nhờ không chấp trước nên được giải thoát. Như Lai biết sự thọ nhận (thống dương) do lạc xúc sanh ra đã diệt tận, biết nó từ đâu sanh khởi, Như Lai thấy vậy nên không chấp nhận, ý hiểu rất rõ.